

Bản án số: 686/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 7 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Trung Kiên

Ông Đặng Văn Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Sâm là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 17 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1105/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị H, sinh năm 1989**

Thường trú: xã A, huyện B, tỉnh Thanh Hóa.

Tạm trú: đường C, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông **Lê Văn H1, sinh năm 1987**

Thường trú: xã E, huyện G, tỉnh Hà Nam.

Tạm trú: đường C, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà H có mặt, ông H1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/10/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Lê Thị H trình bày: Bà và ông H1 tự nguyện chung sống vào năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân **xã E, huyện G, tỉnh Hà Nam** theo giấy chứng nhận kết hôn số: 68, quyển số: 01, cấp ngày 27/11/2014. Sau khi kết hôn, hai bên chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do ông H1 không có trách nhiệm với vợ con, không tôn trọng, quan tâm chăm sóc và chia sẻ các

công việc gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, gây gổ. Bà đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông H1 không thay đổi. Từ năm 2018 đến nay cả hai không còn sống chung. Nay bà H nhận thấy hai bên không có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu được ly hôn với ông H1 để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con là Lê Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 22/11/2016. Ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Lê Văn H1 đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như triệu tập đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà H, thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H1 không đến Tòa án trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là bà H yêu cầu được ly hôn với ông H1. Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Lê Ngọc Quỳnh N và không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Lê Văn H1 vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị H có đơn yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn H1, do ông H1 có nơi cư trú tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bị đơn là ông Lê Văn H1 đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa cho thấy: Bà H và ông H1 đăng ký kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện G, tỉnh Hà Nam nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H1 là hợp pháp. Theo bà H trình bày, hai bên chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do ông H1 không có trách nhiệm với vợ con, hai bên thường xuyên gây gổ, cãi vã, nay bà yêu cầu được ly hôn với ông H1. Phía ông H1 không đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của bà H. Hội đồng xét xử xét thấy, bà H và ông H1 đã có thời gian dài mâu thuẫn, cả hai không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, xét thấy mâu thuẫn giữa đôi bên đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông H1.

[4]Về con chung: Tại phiên tòa bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con là Lê Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 22/11/2016. Bà H không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: hiện nay cháu N dưới 36 tháng tuổi do bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trong quá trình thu thập chứng cứ ông H1 không đến Tòa để trình bày ý kiến. Do vậy, căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao cháu N cho bà H trực tiếp nuôi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông H1 do bà H không yêu cầu

[5]Về tài sản chung: Không có.

[6]Về nợ chung: Không có.

[7]Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà H phải nộp án phí 300.000 đồng, được cân trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0037406 ngày 19/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị H và ông Lê Văn H1.

2.Về con chung: Ông H1 có trách nhiệm giao cháu Lê Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 22/11/2016 cho bà H trực tiếp nuôi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông H1 do bà H không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Bà H cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông H1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.Về tài sản chung: Không có.

4.Về nợ chung: Không có.

5.Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do bà H nộp, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0037406 ngày 19/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

6.Về quyền kháng cáo: Bà H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ông H1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận T;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận T
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã E, huyện G, tỉnh Hà Nam (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Giấy CNKH số: 68, quyền số: 01, cấp ngày 27/11/2014;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Hương